

Bản án số: 251/2022/KDTM-ST

Ngày: 12/8/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Minh Tuấn
2. Ông Vũ Ngọc Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Thế Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)

Trụ sở chính: 25 đường A, phường B, Quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 859 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 12637.18/2020/UQ-SeABank ngày 16/9/2020)

**-Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: 88/356 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/10/2019, Ngân hàng TMCP ĐNA có cho ông Nguyễn Văn B vay với số tiền 2.500.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh từng lần ngắn hạn theo hợp đồng kinh tế giữa ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng A ngày 25/9/2019; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/10/2020; tiền gốc trả cuối kỳ vào 07/10/2020, tiền lãi trả vào ngày 07 hàng tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 11,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng TMCP ĐNA đã giải ngân số tiền 2.500.000.000

đồng theo phương thức chuyển khoản ngày 07/10/2019 vào tài khoản số: 000002100209 của bà Hoàng A mở tại SeABank PGD Lê Văn Sỹ. Để bảo đảm cho khoản vay trên ông Nguyễn Văn B đã thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 1309 m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 11 tại xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS01571 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/02/2018, cập nhật thay đổi chủ sử dụng cho ông Nguyễn Văn B ngày 27/9/2019. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn B còn được Ngân hàng TMCP DNA cấp thẻ Visa, số tiền gốc của thẻ Visa mà ông B sử dụng là 50.929.256 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, ông Nguyễn Văn B chưa trả cho Ngân hàng TMCP DNA nợ gốc mà chỉ mới trả được 46.745.043 đồng tiền lãi. Do vậy Ngân hàng TMCP DNA khởi kiện để yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả số tiền còn nợ.

Tính đến ngày 12/8/2022, ông Nguyễn Văn B còn nợ Ngân hàng TMCP DNA tổng số tiền sau:

- Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 231.620.845 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 803.252.248 đồng;
- Nợ gốc thẻ visa: 50.929.256 đồng
- Tiền lãi trong hạn: 0 đồng
- Tiền lãi quá hạn: 53.098.692 đồng
- Tổng số tiền nợ là: 3.638.901.041 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn B không trả hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thu hồi nợ đối với khoản vay có thế chấp tài sản bảo đảm, đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Văn B phải trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 6.000.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn B vắng mặt nên không có lời khai và vụ án cũng không tiến hành hoà giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không tuân thủ đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:**

Hội đồng xét xử nhận thấy trong thông báo về thụ lý vụ án số 80/TB-TLVA ngày 15/01/2021 cũng như trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và xác định tranh chấp này là tranh chấp dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cần xác định lại đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, với phân tích như sau: Căn cứ vào hợp đồng cho vay từng lần ngày 04/10/2019 các bên đều xác định mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn kinh doanh từng lần ngắn hạn theo Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/2019 giữa ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng A và căn cứ vào đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 01/9/2019 đều xác định mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại Quận 10 do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét giấy ủy quyền số 12637.18/2020/UQ-SeABank ngày 16/9/2020 của ông Vũ Đình Kh ủy quyền cho ông Vũ Văn Th tham gia trong suốt quá tố tụng là hợp lệ nên được Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Vũ Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn B là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

**[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:**

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn B trả số tiền còn nợ là 3.534.873.093 đồng {trong đó tiền gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022 bao gồm tiền lãi trong hạn là 231.620.845 đồng, tiền lãi quá hạn là 803.252.248 đồng}; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay từng lần số REF1927600116/HDTD/HMH-NVB ngày 04/10/2019 và giấy ủy nhiệm chi có chữ ký của ông Nguyễn Văn B. Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn ông Nguyễn Văn B có vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông Nguyễn Văn B chưa trả cho nguyên đơn một đồng nào tiền nợ gốc. Như vậy số tiền nợ gốc bị đơn ông Nguyễn Văn B còn nợ là 2.500.000.000 đồng. Đối với phần tiền lãi các bên thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,1%/năm và được cố định suốt trong suốt thời hạn cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các bên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng có quy định bên vay (bị đơn) phải trả nợ tiền lãi cho nguyên đơn định kỳ 01 tháng/1 lần vào ngày 07 hàng tháng và trả nợ gốc vào cuối kỳ vào

ngày 07/10/2020, bị đơn không tiếp tục trả nợ là vi phạm những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1927600116/HDTC/HMH-NVB ngày 04/10/2019 giữa bên thế chấp ông Nguyễn Văn B với bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP ĐNA. Tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có quy định trường hợp bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP ĐNA được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền thẻ visa với số tiền là 104.027.948 đồng trong đó nợ gốc là 50.929.256, tiền lãi trong hạn 0 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2022 là 53.098.692 đồng. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ vào đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 01/9/2019 và bản sao kê về quá trình giao dịch có đủ cơ sở xác định bị đơn ông Nguyễn Văn B hiện còn nợ số tiền 104.027.948 đồng trong đó nợ gốc là 50.929.256, tiền lãi trong hạn 0 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2022 là 53.098.692 đồng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B phải trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định như sau.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 10 xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Tòa án. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]. Về án phí:** Bị đơn ông Nguyễn Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐNA không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP ĐNA số tiền còn nợ là 3.638.901.041 (ba tỷ sáu trăm ba mươi tám triệu chín trăm lẻ một nghìn không trăm bốn mươi một) đồng {trong đó tiền gốc là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022 bao gồm tiền lãi trong hạn là 231.620.845 (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm hai mươi nghìn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn là 803.252.248 (tám trăm lẻ ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng, tiền nợ thế bao gồm nợ gốc là 50.929.256 (năm mươi triệu chín trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi sáu) đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2022 là 53.098.692 (năm mươi triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi hai) đồng.

Ngay sau khi ông Nguyễn Văn B thanh toán xong số tiền 3.534.873.093 (ba tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi ba) đồng {trong đó tiền gốc là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022 bao gồm tiền lãi trong hạn là 231.620.845 (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm hai mươi nghìn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn là 803.252.248 (tám trăm lẻ ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng} còn phải thi hành cho Ngân hàng TMCP ĐNA thì Ngân hàng TMCP ĐNA có trách nhiệm thanh lý, giải chấp các hợp đồng liên quan đến số tiền nợ và hoàn trả bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp (nếu không còn thế chấp cho khoản vay nào khác) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1927600116/HDTC/HMH-NVB ngày 04/10/2019 cho ông Nguyễn Văn B.

Trường hợp ông Nguyễn Văn B không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền 3.534.873.093 (ba tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi ba) đồng {trong đó tiền gốc là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 12/8/2022 bao gồm tiền lãi trong hạn là 231.620.845 (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm hai mươi nghìn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn là 803.252.248 (tám trăm lẻ ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng} thì Ngân hàng TMCP ĐNA được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1927600116/HDTC/HMH-NVB ngày 04/10/2019) để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền

3.534.873.093 (ba tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi ba) đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF1927600116/HDTD/HMH-NVB ngày 04/10/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền 104.027.948 (một trăm lẻ bốn triệu không trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi tám) đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 01/9/2019.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP DNA số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

2. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn B chịu phải chịu án phí sơ thẩm là 104.778.020 (một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn không trăm hai mươi) đồng. Ngân hàng TMCP DNA không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP DNA số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 43.791.392 (bốn mươi ba triệu bảy trăm chín mươi một nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0049923 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP DNA, ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM,
- VKSND Quận 10,
- Chi cục THADS Quận 10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Quyết**